

KẾ HOẠCH

Phát triển hạ tầng số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2025-2030

Căn cứ Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về việc xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 03 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quyết định Phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-SKH-CN ngày 18 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025-2030;

Căn cứ Công điện số 110/CĐ-TTg ngày 17/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về việc chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam về chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Chương trình số 37-CTr/TU ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Ban Thường vụ Thành ủy triển khai thực hiện chuyên đề “Tập trung đầu tư phát triển, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), điện tử, viễn thông phù hợp với xu hướng Cách mạng công nghiệp 4.0 gắn với xây dựng chính quyền điện tử (CQĐT), thành phố thông minh (TPTM);

Căn cứ Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 309-KH/TU ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Kế hoạch số 5139/KH-UBND ngày 11 ngày 6 tháng 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 461/TTr-SKH-CN ngày 26 tháng 8 năm 2025 và ý kiến thống nhất của thành viên UBND thành phố; UBND thành phố ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2025-2030, cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Hạ tầng số là hạ tầng của nền kinh tế. Hạ tầng số của thành phố Đà Nẵng (bao gồm 04 thành phần chính: (i) Hạ tầng viễn thông và Internet; (ii) Hạ tầng dữ liệu; (iii) Hạ tầng vật lý - số; (iv) Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ) phải có dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng, phổ cập, bền vững, xanh, thông minh, mở và an toàn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số, Chính quyền số, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Hạ tầng số tiên tiến, hiện đại: Hạ tầng số được ưu tiên phát triển và bảo vệ như hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng, ngang tầm với các nước phát triển.

3. Phát triển đồng bộ: Hạ tầng số được quy hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác. Các doanh nghiệp phối hợp phát triển hạ tầng số có hiệu quả trên cơ sở dùng chung, chia sẻ hạ tầng.

4. Tạo môi trường phát triển thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng số. Thị trường sản phẩm, dịch vụ hạ tầng số phát triển nhanh, bền vững trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh. Phát triển các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân trong nước có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có năng lực cạnh tranh quốc tế, đóng vai trò dẫn dắt, trụ cột trong phát triển hạ tầng số.

5. An toàn, an ninh mạng là điều kiện tiên quyết đối với hạ tầng số trong toàn bộ quá trình thiết kế, thử nghiệm, đánh giá, vận hành, khai thác: Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là nhiệm vụ trọng yếu, xuyên suốt, không thể tách rời với phát triển hạ tầng số.

6. Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp mở rộng các Khu Công nghệ thông tin tập trung, công viên phần mềm theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển, mở rộng các Khu Công nghệ thông tin, Công viên Phần mềm do doanh nghiệp làm chủ đầu tư; hạ tầng số thông minh cho Trung tâm tài chính quốc tế, Khu thương mại tự do. Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Phát triển hạ tầng số phổ cập, an toàn, bền vững, đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhu cầu của nhân dân; sẵn sàng đáp ứng nhu cầu kết nối, xử lý dữ liệu và đảm bảo an toàn thông tin mạng.

b) Chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được đề ra nhằm phát triển hạ tầng số băng rộng, phổ cập, xanh, an toàn, bền vững, mở và thúc đẩy chuyển đổi số, thành phố thông minh.

c) Tổ chức thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ, Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy và Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng.

2. Mục tiêu cụ thể

* Giai đoạn năm 2025 - 2027

a) Hạ tầng viễn thông - internet

- Mở rộng vùng phủ sóng 5G, phần đầu số trạm 5G phát sóng trong năm 2025 đạt tối thiểu 50% so với số lượng trạm 4G đã phát sóng.

- Tăng gấp đôi tốc độ tải xuống trung bình của mạng viễn thông di động mặt đất Việt Nam so với năm 2024.

- Tối thiểu 30% người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động đạt 95 %.

- Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng đạt 100%.

- Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH) đạt 100%.

- Tỷ lệ NVH thôn, khối phố có Wifi phục vụ miễn phí đạt 100%.

b) Hạ tầng dữ liệu

- Thu hút đầu tư 03 Trung tâm dữ liệu mới đạt tiêu chuẩn xanh theo các tiêu chuẩn quốc tế, trong đó chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE - Power Usage Effectiveness) không vượt quá 1,4.

- Đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu quy mô cấp vùng tiêu chuẩn TIER-III, với công suất 80MW, hình thành các cụm máy chủ hỗ trợ các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), tính toán hiệu năng cao (HPC) với mục tiêu cung cấp dịch vụ điện toán đám mây, tính toán, lưu trữ cho các sở, ban, ngành của Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung, hỗ trợ xây dựng chính quyền điện tử và thành phố thông minh và có thể mở rộng dịch vụ Trung tâm dữ liệu cho các doanh nghiệp công nghệ, tài chính, logistics, và sản xuất tại miền Trung, các tổ chức y tế, giáo dục hoặc đối tác quốc tế.

c) Hạ tầng vật lý - số

- Hạ tầng Internet vạn vật (IoT) sẵn sàng tại tất cả các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng trạm vệ tinh mặt đất tại Đà Nẵng trong dự án thí điểm có kiểm soát việc triển khai dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp. Đề xuất phát triển thuê bao dịch vụ viễn thông vệ tinh quỹ đạo tầm thấp cho các khu vực trắng sóng, lõm sóng và các đơn vị, đối tượng đang hoạt động trong các vùng không có sóng di động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch xóa vùng lõm sóng, trắng sóng trên địa bàn thành phố.

- Trung bình mỗi người dân có 01 kết nối Internet vạn vật (IoT - Internet of Things).

- Hạ tầng Lorawan thành phố được sử dụng rộng rãi, trở thành hạ tầng chính phục vụ người dân, doanh nghiệp thành phố trong việc ứng dụng IoT vào đời sống.

d) Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ

- Trên 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- Tên miền “.vn” là thương hiệu quốc gia, đạt tối thiểu 60% tên miền sử dụng của Thành phố.

- Phát triển các nền tảng cung cấp các công nghệ số (IoT, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, an ninh mạng,...) như dịch vụ, đóng vai trò là hạ tầng mềm để phát triển kinh tế, xã hội.

* Mục tiêu đến năm 2030

Hạ tầng số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến; từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi.

a) Hạ tầng viễn thông – internet

Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn thành phố, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo.

- 100% người sử dụng có khả năng truy nhập cáp quang với tốc độ 1Gb/s trở lên.

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số thành phố.

- Xây dựng, bảo đảm năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G.

- Hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng thêm tối thiểu 02 tuyến cáp quang biển tại Đà Nẵng và 01 trạm cáp quang quốc tế cấp bờ.

- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn thành phố đạt trên 90%; chuyển đổi hoàn toàn mạng Internet thành phố sang IPv6, sẵn sàng cho IPv6 only, Internet of Things.

- Quy hoạch cải tạo mạng MAN thành phố thành mạng DaNang WAN đảm bảo kết nối từ cấp thành phố đến xã, phường, đặc khu.

- Phát triển hạ tầng viễn thông phục vụ khu kinh tế cửa khẩu Đà Nẵng, đặc biệt Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang

b) Hạ tầng dữ liệu

- Tiếp tục nâng cấp, mở rộng Trung tâm dữ liệu thành phố Đà Nẵng phục vụ chính quyền điện tử và xây dựng thành phố thông minh, chuyển đổi số, phát triển công nghiệp công nghệ số.

- Tiếp tục thu hút, phát triển các trung tâm dữ liệu mới đạt tiêu chuẩn xanh theo các tiêu chuẩn quốc tế, trong đó chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE - Power Usage Effectiveness) không vượt quá 1,4. Trong đó, hình thành tối thiểu 01 trung tâm dữ liệu quy mô khu vực, đưa Đà Nẵng trở thành IT-HUB của quốc gia và khu vực; 02 Trung tâm dữ liệu quy mô quốc gia.

c) Hạ tầng vật lý – số:

- Phát triển hệ thống camera trên toàn thành phố, tăng cường các camera ứng dụng AI kết nối về Trung tâm Chỉ huy Công an thành phố và Trung tâm Thông tin và Giám sát điều hành thành phố thông minh thành phố;

- Phát triển, quản lý, xây dựng bản đồ chung giám sát hệ thống cảm biến trên địa bàn thành phố như đo mưa, đo ngập, giám sát hành trình, giám sát cháy rừng,...

- Hạ tầng IoT được sử dụng rộng rãi, trở thành hạ tầng chính phục vụ người dân, doanh nghiệp thành phố trong việc ứng dụng IoT vào đời sống.

- Số lượng kết nối IoT đạt mức trung bình cao của thế giới hoặc trung bình mỗi người dân 04 kết nối IoT.

- Thí điểm triển khai bản sao số trên địa bàn thành phố.

- Thí điểm các giải pháp nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ bay không người lái.

d) Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ

- Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số (bao gồm các nền tảng số: định danh số, xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số; tích hợp, chia sẻ dữ liệu).

- 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- Các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ chuỗi khối (blockchain), IoT bước đầu thâm nhập vào nhiều lĩnh vực kinh tế và xã hội;

- AI, blockchain, IoT hỗ trợ hiệu quả cho chương trình chuyển đổi số thành phố, phát triển kinh tế số, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hệ thống quản trị số địa phương và năng lực quản trị.

đ) Hạ tầng khu công nghệ số, công nghệ thông tin tập trung.

- Triển khai các trạm BTS để bảo đảm phủ sóng 100% mạng 5G tại các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ thông tin, khu thương mại tự do.

- Phát triển dịch vụ mạng di động 5G dùng riêng (5G Private Mobile Network) các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ thông tin, khu thương mại tự do để phục vụ sản xuất thông minh và logistics.

- Phủ sóng kết nối IoT, ưu tiên hạ tầng IoT 5G, LoRaWan bao phủ các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ thông tin, khu thương mại tự do; sẵn sàng cung cấp dịch vụ, khả năng tích hợp với tất cả các thành phần hạ tầng vật lý của các giao thông, năng lượng,

điện, nước. 100% các doanh nghiệp trong các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố tiếp cận về hạ tầng để triển khai ứng dụng IoT.

- Triển khai tối thiểu 5.000 cảm biến IoT tại khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ thông tin, khu thương mại tự do cho giám sát dây chuyền sản xuất, bảo trì, và quản lý giao thông, năng lượng, điện, nước.

- Triển khai 100% hạ tầng cáp quang tốc độ cao (tối thiểu 1 Gb/s) tại khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ thông tin, khu thương mại tự do.

- Xây dựng và hình thành thêm ít nhất 01 khu công nghệ thông tin tập trung được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Về cơ chế, chính sách

a) Xây dựng, ban hành danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số.

b) Hoàn thiện, bảo đảm trong quy hoạch thành phố, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển nhà trạm thu phát sóng di động, hạ tầng băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu, trạm trung chuyển Internet, trạm cáp bờ kết nối quốc tế...).

c) Ban hành các chính sách, quy định hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng số, sử dụng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng kỹ thuật của các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.

d) Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng số; xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác. Hỗ trợ các doanh nghiệp giải quyết các vướng mắc, thúc đẩy triển khai hạ tầng viễn thông tại các khu vực đất công, đất đa mục đích,....

2. Hạ tầng viễn thông - Internet

a) Phổ cập kết nối tốc độ cao, độ trễ thấp đến hộ gia đình, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức bao gồm: cáp quang, wifi thế hệ mới;...

b) Hỗ trợ cơ chế, chính sách và thủ tục cho các doanh nghiệp viễn thông phát triển nhanh mạng 5G, các tuyến cáp quang biển và trạm cáp quang quốc tế cập bờ tại Đà Nẵng.

c) Hỗ trợ cơ chế, chính sách và địa điểm triển khai mạng Internet sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp.

d) Phát triển mạng di động 5G và các thế hệ tiếp theo. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sớm triển khai các công nghệ mới trong quá trình phát triển hạ tầng số như mạng di động 6G, Open RAN, mô hình dữ liệu mở, ...

3. Hạ tầng dữ liệu

a) Thúc đẩy rà soát, bổ sung các quy hoạch về điện đảm bảo có nguồn điện xanh - sạch, đảm bảo dự phòng cao để thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển Trung tâm dữ liệu.

b) Phát triển, thu hút đầu tư hạ tầng dữ liệu, bao gồm: các trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây đạt tiêu chuẩn quốc tế, an toàn, bền vững, theo tiêu chuẩn xanh.

c) Thu hút đầu tư trong và ngoài nước triển khai các trung tâm dữ liệu siêu lớn (Hyperscale Data Center); Trung tâm dữ liệu hỗ trợ các ứng dụng Trí tuệ nhân tạo; Trung tâm dữ liệu biên.

4. Hạ tầng vật lý - số

a) Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ thông tin, khu thương mại tự do.

b) Xây dựng Đề án và triển khai thí điểm xây dựng bản sao số cho 1 số xã phường, khu vực trên địa bàn thành phố.

c) Thúc đẩy tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thống như: giao thông vận tải, năng lượng, hậu cần, chính quyền thành phố, y tế, giáo dục, du lịch, quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng.

d) Thí điểm các giải pháp nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ bay không người lái ứng dụng trong phát triển kinh tế cận biên.

5. Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ

a) Phát triển, hoàn thiện, tối ưu hoá các nền tảng theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

b) Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

c) Thúc đẩy phát triển và làm chủ công nghệ các nền tảng số đảm bảo an toàn, nhiều tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân.

6. Hạ tầng khu công nghệ số, công nghệ thông tin tập trung

a) Kêu gọi hợp tác giữa các nhà mạng (Viettel, VNPT, MobiFone) và doanh nghiệp trong khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ thông tin, khu thương mại tự do về việc đầu tư hạ tầng di động 5G, mạng cáp quang tốc độ cao; xây dựng quy định về chia sẻ hạ tầng viễn thông (cáp quang, trạm 5G) giữa các nhà mạng để giảm chi phí và tránh trùng lặp.

b) Tích hợp quy hoạch viễn thông với quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu công nghiệp.

c) Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp mở rộng các Khu Công nghệ thông tin tập trung, công viên phần mềm theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển, mở rộng các Khu Công nghệ thông tin do doanh nghiệp làm chủ đầu tư.

d) Tham mưu chính sách, chủ trương hình thành Công viên/Đô thị khoa học công nghệ tại thành phố Đà Nẵng. Hoàn thiện các thủ tục pháp lý để mở rộng Công viên phần mềm số 2, sớm đưa các Khu Công nghệ thông tin, Khu Công viên phần mềm đã được quy hoạch trên địa bàn thành phố vào hoạt động như Khu không gian đổi mới sáng tạo Hòa Xuân, Khu Công nghệ thông tin Đà Nẵng Bay, Tòa nhà Công nghệ cao Viettel Đà Nẵng.

đ) Đầu tư phát triển các hạ tầng phụ trợ để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ thông tin.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động đề xuất nguồn kinh phí triển khai từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tham mưu các chính sách, cơ chế để triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch, là cơ quan đầu mối việc triển khai thực hiện Kế hoạch này và thường xuyên rà soát, báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất cập nhật, điều chỉnh nội dung thực hiện cho phù hợp với thực tế tình hình triển khai; Đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch.

b) Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành và các doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị có liên quan tham mưu UBND thành phố ban hành các giải pháp thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng số trên địa bàn thành phố.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tổng hợp, tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí vốn chi đầu tư từ ngân sách thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan, theo khả năng cân đối ngân sách để thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

3. Sở Xây dựng

a) Hỗ trợ phát triển, tích hợp các thành phần của hạ tầng số trong các quy hoạch trên địa bàn. Tích hợp trong các công trình xây dựng; phối hợp, hướng dẫn triển khai hạ tầng số và phát triển các công trình hạ tầng viễn thông.

b) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành các chính sách, quy định hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng số, sử dụng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng kỹ thuật của các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.

c) Phát triển hệ thống camera giám sát giao thông thông minh, tăng cường ứng dụng các camera AI kết nối về Trung tâm điều hành giao thông thông minh, chia sẻ dữ liệu về Trung tâm Chỉ huy Công an thành phố và Trung tâm Giám sát điều hành thông minh thành phố Đà Nẵng (Trung tâm IOC).

4. Sở Công Thương

Đảm bảo có nội dung dành cho phát triển hạ tầng số trong các quy hoạch liên quan về công nghiệp, thương mại, năng lượng, dữ liệu quản lý hàng thật, hàng giả, hàng kém chất lượng; Thúc đẩy rà soát, bổ sung các quy hoạch về điện phát triển các nguồn điện theo quy hoạch quốc gia nhằm đảm bảo có nguồn điện xanh - sạch, đảm bảo có tính dự phòng cao để thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển Trung tâm dữ liệu.

5. Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp

a) Phối hợp, hỗ trợ phát triển hạ tầng số, sử dụng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng kỹ thuật liên ngành (giao thông, xây dựng, điện, nước,...).

b) Phối hợp triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin tập trung, Khu thương mại tự do.

c) Phối hợp triển khai thử nghiệm các công nghệ mới.

6. UBND các xã, phường, đặc khu

Phối hợp với Sở khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan: Phát triển, hoàn thiện, tối ưu hoá các nền tảng số theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

7. Các doanh nghiệp tham gia phát triển hạ tầng số của thành phố

Trên cơ sở những nội dung định hướng nêu tại kế hoạch này, xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng số của đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

8. Các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục đính kèm Kế hoạch này có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết và tổ chức thực hiện, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiến độ theo yêu cầu.

9. Các cơ quan báo, đài trên địa bàn thành phố hỗ trợ truyền thông về Kế hoạch này.

Trên đây Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp, đơn vị liên quan triển khai thực hiện; báo cáo định kỳ **trước ngày 30/10 hàng năm** hoặc đột xuất khi có yêu cầu và gửi về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Khoa học và Công nghệ) theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN;
- TT TU, TT HĐND TP;
- BTV ĐU UBND TP;
- CT và các PCT UBND TP;
- Các VP: TU, ĐDBQH&HĐND TP;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn TP;
- CPVP UBND TP;
- Lưu: VT, SKHCN (N).

20/11

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

sonkt-14/10/2025 13:55:02-sonkt-s...

Phụ lục
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2025-2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 80 /KH-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2025 của UBND thành phố)

STT	Chỉ tiêu, nội dung nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	Mục tiêu giai đoạn 2025-2027			
I.1	Hạ tầng viễn thông - internet			
1	Số trạm 5G phát sóng trong năm 2025 đạt tối thiểu 50% so với số lượng trạm 4G đã phát sóng	12/2027	Doanh nghiệp viễn thông	- Sở Khoa học và Công nghệ - Các Sở, ban, ngành - UBND các xã, phường
2	Tối thiểu 30% người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s	12/2027	Doanh nghiệp viễn thông	- Sở Khoa học và Công nghệ
3	Triển khai Quy hoạch cải tạo mạng MAN thành phố thành mạng SDWAN kết nối đến các xã, phường, đặc khu	6/2026	Sở Khoa học và Công nghệ	- UBND các xã, phường, đặc khu - Các Sở, ban, ngành
I.2	Hạ tầng dữ liệu			
4	Hoàn thành nâng cấp Trung tâm dữ liệu thành phố đạt quy mô 74 rack với 170 máy chủ, tổng công suất tải điện 1.000 KVA	12/2026	Sở Khoa học và Công nghệ	
5	Thu hút đầu tư 01 Trung tâm dữ liệu mới đạt tiêu chuẩn xanh theo các tiêu chuẩn quốc tế, trong đó chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE - Power Usage Effectiveness) không vượt quá 1,4.	12/2026	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường
I.3	Hạ tầng vật lý – số			
6	Hạ tầng Internet vạn vật (IoT) sẵn sàng tại tất cả các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo	12/2026	- Sở Khoa học và Công nghệ - BQL Khu Công nghệ cao và các Khu công nghiệp	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu. - Các Doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố

STT	Chỉ tiêu, nội dung nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
7	Trung bình mỗi người dân có 01 kết nối Internet vạn vật (IoT - Internet of Things).	12/2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông
I.4	Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ			
8	Trên 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	12/2026	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu. - Các Doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố
9	Đạt tối thiểu 60% tên miền quốc gia “.vn” trên địa bàn thành phố	12/2026	- Sở Khoa học và Công nghệ - UBND các xã, phường, đặc khu	Các Sở, ban, ngành
II	Mục tiêu đến năm 2030			
II.1	Hạ tầng viễn thông - internet			
1	100% người sử dụng có khả năng truy nhập cáp quang với tốc độ 1Gb/s trở lên.	12/2030	- Sở Khoa học và Công nghệ - Doanh nghiệp viễn thông	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu. - Các Doanh nghiệp.
2	Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số thành phố	12/2030	Doanh nghiệp viễn thông	- Sở Khoa học và Công nghệ - UBND các xã, phường, đặc khu - Các Sở ban ngành
3	Sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G	12/2030	Doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng thêm tối thiểu 02 tuyến cáp quang biển tại Đà Nẵng và 01 trạm cáp quang quốc tế cập bờ	12/2030	Doanh nghiệp viễn thông	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu.
5	Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn thành phố đạt 90%; chuyển đổi hoàn toàn mạng Internet thành phố sang IPv6,	12/2030	- Các Sở ban ngành - Doanh nghiệp viễn	

STT	Chỉ tiêu, nội dung nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	sẵn sàng cho IPv6 only, Internet of Things		thông - UBND các xã, phường, đặc khu	
II.2	Hạ tầng dữ liệu			
6	Tiếp tục nâng cấp Trung tâm dữ liệu thành phố phục vụ chính quyền điện tử và xây dựng thành phố thông minh, chuyển đổi số.	12/2030	Sở Khoa học và Công nghệ	
7	Tiếp tục thu hút, phát triển các trung tâm dữ liệu mới đạt tiêu chuẩn xanh theo các tiêu chuẩn quốc tế, trong đó chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE - Power Usage Effectiveness) không vượt quá 1,4. Trong đó, thu hút đầu tư 01 trung tâm dữ liệu quy mô khu vực, đưa Đà Nẵng trở thành IT-HUB của quốc gia và khu vực; 02 Trung tâm dữ liệu quy mô quốc gia; phát triển Trung tâm dữ liệu hiện tại phục vụ chính quyền thành phố, các dịch vụ đô thị thông minh, chuyển đổi số; triển khai mới 02 Trung tâm dữ liệu và 01 Trung tâm tính toán hiệu năng cao	12/2030	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu.
II.3	Hạ tầng vật lý – số			
8	Phát triển hệ thống camera trên toàn thành phố, tăng cường các camera ứng dụng AI kết nối về Trung tâm Chỉ huy Công an thành phố và Trung tâm Thông tin và Giám sát điều hành thành phố thông minh thành phố	12/2030	- Sở Khoa học và Công nghệ - Công an thành phố; - Sở Xây dựng	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu.
9	Phát triển, quản lý, xây dựng bản đồ chung giám sát hệ thống cảm biến trên địa bàn thành phố như đo mưa, đo ngập, giám sát hành trình ...	12/2030	- Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu.
10	Hạ tầng Lorawan thành phố được sử dụng rộng rãi, trở thành hạ tầng chính phục vụ người dân, doanh nghiệp thành phố trong việc ứng dụng IoT vào đời sống	12/2030	- Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu. - Các Doanh nghiệp công nghệ số.

STT	Chỉ tiêu, nội dung nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
11	Số lượng kết nối IoT đạt mức trung bình cao của thế giới hoặc trung bình mỗi người dân 04 kết nối IoT	12/2030	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu. - Các Doanh nghiệp	
12	Thí điểm triển khai bản sao số trên địa bàn thành phố	12/2030	- Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu. - Các Doanh nghiệp.
II.4	Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ			
13	70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	12/2030	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu. - Các Doanh nghiệp	
III	NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP			
III.1	Cơ chế, chính sách			
1	Xây dựng, ban hành danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số	Thường xuyên	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu
2	Hoàn thiện, bảo đảm trong quy hoạch thành phố, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số	12/2026	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu
3	Ban hành các chính sách, quy định hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng số, sử dụng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng kỹ thuật của các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác	12/2026	- Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Xây dựng	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu
III.2	Hạ tầng viễn thông - internet			
4	Phổ cập kết nối tốc độ cao, độ trễ thấp đến hộ gia đình, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức bao gồm: cáp quang; wifi thế hệ mới;...	12/2030	Các doanh nghiệp viễn thông	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu

STT	Chỉ tiêu, nội dung nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
				- Các doanh nghiệp công nghệ số
5	Hỗ trợ cơ chế, chính sách và thủ tục cho các doanh nghiệp viễn thông phát triển nhanh mạng 5G, các tuyến cáp quang biển và trạm cáp quang quốc tế cập bờ tại Đà Nẵng.	Thường xuyên	- Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu
6	Hỗ trợ cơ chế, chính sách và địa điểm triển khai mạng Internet sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp.	Thường xuyên	- Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu
7	Phát triển mạng di động 5G và các thế hệ tiếp theo. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sớm triển khai các công nghệ mới trong quá trình phát triển hạ tầng số như mạng di động 6G, Open RAN, mô hình dữ liệu mở, ...	12/2030	Các doanh nghiệp viễn thông	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu - Các doanh nghiệp công nghệ số
III.3	Hạ tầng dữ liệu			
8	Thúc đẩy rà soát, bổ sung các quy hoạch về điện đảm bảo có nguồn điện xanh - sạch, đảm bảo dự phòng cao để thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển Trung tâm dữ liệu	12/2026	Sở Công Thương	- Các Sở, ban, ngành - UBND các xã, phường, đặc khu
9	Phát triển, thu hút đầu tư hạ tầng dữ liệu, bao gồm: các trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây đạt tiêu chuẩn quốc tế, an toàn, bền vững, theo tiêu chuẩn xanh.	Thường xuyên	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu - Các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số
10	Thu hút đầu tư trong và ngoài nước triển khai các trung tâm dữ liệu siêu lớn (Hyperscale Data Center); Trung tâm dữ liệu hỗ trợ các ứng dụng Trí tuệ nhân tạo; Trung tâm dữ liệu biên.	12/2030	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu - Các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số
III.4	Hạ tầng vật lý – số			
11	Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ thông tin, khu thương mại tự do	12/2026	- Sở Khoa học và Công nghệ - BQL các khu công nghiệp và CNC Đà Nẵng	- Các Sở, ban, ngành - UBND các xã, phường, đặc khu

STT	Chỉ tiêu, nội dung nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			- Các doanh nghiệp viễn thông	
12	Xây dựng Đề án và triển khai thí điểm xây dựng bản sao số cho 1 số xã phường, khu vực trên địa bàn thành phố.	12/2030	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu - Các doanh nghiệp công nghệ số
13	Thúc đẩy tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thông như giao thông vận tải, năng lượng, hậu cần, chính quyền thành phố, y tế, giáo dục, du lịch, quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng.	12/2030	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu.	- Các Doanh nghiệp công nghệ số.
14	Thí điểm các giải pháp nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ bay không người lái ứng dụng trong phát triển kinh tế cận biên.	12/2026	Sở Khoa học và Công nghệ	- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; - Công an thành phố; - Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu. - Các Doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp bưu chính, viễn thông.
III.5	Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ			
15	Phát triển, hoàn thiện, tối ưu hoá các nền tảng theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia.	Thường xuyên	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu. - Các Doanh nghiệp công nghệ số.	
16	Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).	Thường xuyên	Các Sở, ban, ngành;	- Các Doanh nghiệp công nghệ số.
17	Thúc đẩy phát triển và làm chủ công nghệ các nền tảng số đảm bảo an toàn, nhiều tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân.	Thường xuyên	- Sở Khoa học và Công nghệ - Các doanh nghiệp công nghệ số	- Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu.

STT	Chỉ tiêu, nội dung nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
III.6	Hạ tầng khu công nghệ số, công nghệ thông tin tập trung			
18	Kêu gọi hợp tác giữa các nhà mạng (Viettel, VNPT, MobiFone) và doanh nghiệp trong khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ thông tin, khu thương mại tự do về việc đầu tư hạ tầng di động 5G, mạng cáp quang tốc độ cao; xây dựng quy định về chia sẻ hạ tầng viễn thông (cáp quang, trạm 5G) giữa các nhà mạng để giảm chi phí và tránh trùng lặp.	Thường xuyên	<ul style="list-style-type: none"> - Các doanh nghiệp viễn thông - BQL Khu Công nghệ cao và các Khu công nghiệp - Sở Khoa học và Công nghệ 	<ul style="list-style-type: none"> - Các Sở, ban, ngành; - UBND các xã, phường, đặc khu
19	Tích hợp quy hoạch viễn thông với quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu công nghiệp.	Thường xuyên	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - BQL Khu Công nghệ cao và các Khu công nghiệp - Các Sở, ban, ngành;
20	Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp mở rộng các Khu Công nghệ thông tin tập trung, công viên phần mềm theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển, mở rộng các Khu Công nghệ thông tin do doanh nghiệp làm chủ đầu tư.	Thường xuyên	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các Sở, ban, ngành
21	Tham mưu chính sách, chủ trương hình thành Công viên/Đô thị khoa học công nghệ tại thành phố Đà Nẵng. Hoàn thiện các thủ tục pháp lý để mở rộng Công viên phần mềm số 2, sớm đưa các Khu Công nghệ thông tin, Khu Công viên phần mềm đã được quy hoạch trên địa bàn thành phố vào hoạt động như Khu không gian đổi mới sáng tạo Hòa Xuân, Khu Công nghệ thông tin Đà Nẵng Bay, Tòa nhà Công nghệ cao Viettel Đà Nẵng.	Thường xuyên	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành
22	Đầu tư phát triển các hạ tầng phụ trợ để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ thông tin.	Thường xuyên	Các Sở, ban, ngành	